

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-PT

Ngày 12-3-2019

V/v “Tranh chấp dân sự về
chuyển giao nghĩa vụ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Lê Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20/01/2019 và 12/3/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2018/TLPT- DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp dân sự về chuyển giao nghĩa vụ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2019/QĐ – PT ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số X, tổ 24, ấp Y, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: số X, tổ 1, ấp Y, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh TH, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Gia H, sinh năm 1961;
Địa chỉ: ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: ông Nguyễn Minh TH, là bị đơn của vụ án.

(Ông T, ông TH có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O ủy quyền cho ông Lê Anh T trình bày: Trước đây ông H có vay của bà O số tiền 1.300.000.000đ, trong thời gian đó ông TH cũng có vay của ông H số tiền 1.300.000.000đ. Do đó, ngày 05/3/2016 cả ba bên gồm bà O, ông TH và ông H cùng lập “Giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ”. Theo thỏa thuận, ông TH sẽ trả cho bà O số tiền 1.300.000.000đ trong thời hạn 13 tháng cộng với tiền lãi 10.000.000đ/1 tháng; đối với ông TH không phải trả nợ cho ông H. Sau đó, ông TH có thực hiện trả cho bà O được hai lần gồm: ngày 11/5/2016 trả 150.000.000đ; ngày 11/7/2016 trả 150.000.000đ đều có làm biên nhận. Hiện ông TH còn nợ bà O 1.000.000.000đ tiền vốn vay và lãi tới ngày khởi kiện là 16 tháng x 0,85%/1 tháng = 136.000.000đ, tổng cộng vốn, lãi 1.136.000.000đ.

Nay ông Lê Anh T đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim O yêu cầu ông Nguyễn Minh TH trả cho bà O số tiền vốn vay 1.000.000.000đ, và lãi 136.000.000đ, tổng cộng vốn, lãi 1.136.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Minh TH trình bày: Ông TH thừa nhận có nợ ông H số tiền 1.300.000.000đ, khoản nợ này là tiền ông TH cùng ông H thống nhất thỏa thuận tổng cộng lại từ nhiều khoản vay và tiền lãi mà ông TH nợ ông H. Ông TH cũng thừa nhận giữa ông TH, ông H và bà O có làm văn bản chuyển giao nghĩa vụ trả nợ vay ngày 05/3/2016 như bên nguyên đơn trình bày là đúng. Ông TH có trả cho bà O được hai lần tổng cộng 300.000.000đ, hiện còn nợ bà O 1.000.000.000đ vốn vay và lãi 136.000.000đ.

Nay ông TH đồng ý trả cho bà O số tiền vốn vay 1.000.000.000đ và lãi 136.000.000đ, tổng cộng vốn, lãi 1.136.000.000đ. Ông TH đề nghị cho ông thời gian tối thiểu 12 tháng mới thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Gia H trình bày:
Nội dung trình bày của ông T và ông TH là hoàn toàn đúng. Ông H đã chuyển

giao nghĩa vụ trả nợ bà O cho ông TH. Do đó, ông TH không còn nợ đối với ông H và ông H không có yêu cầu gì trong vụ kiện.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST, ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh TH trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền vốn vay 1.000.000.000đ và số tiền lãi 136.000.000đ. Tổng cộng vốn, lãi 1.136.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Kim O mà ông Nguyễn Minh TH chưa thi hành xong số tiền trên, thì ông TH còn trả tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành xong.

Về án phí: Ông Nguyễn Minh TH nộp 46.080.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.040.000đ theo biên lai thu tiền số 12452 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2018, ông Nguyễn Minh TH kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử xem xét lại phần tiền giữa ông H vay bà O và phần tiền cần nợ cho ông là 02 sự việc khác nhau, 1.300.000.000 đồng mà ông ký giấy nhận nợ thay cho ông H thực chất là phần lãi phát sinh, ông không còn khả năng chi trả nên ông xin giảm số tiền lãi mà bản án sơ thẩm xét xử, việc thanh toán thì cho ông trả cho phù hợp vì hiện nay Công ty của ông phá sản hoàn toàn khả năng thanh toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Minh TH là bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo ngày 07/9/2018 với nội dung yêu cầu cho ông thời hạn thi hành án là 02 năm. Còn đối với số tiền vốn và lãi mà tòa sơ thẩm xét xử là ông cũng đồng ý trả cho bà O nhưng yêu cầu xem xét lại phần lãi cho phù hợp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh TH là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông TH.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh TH, Hội đồng xét xử xét thấy: tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông TH cũng thống nhất và thừa nhận trước đây ông có nợ ông H 1.300.000.000 đồng, trong khi ông H cũng có nợ bà O 1.300.000.000 đồng nên vào ngày 05/3/2016 cả ba bên gồm ông, bà O và ông H cùng lập “Giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ”, theo đó các bên thỏa thuận với nhau là ông có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền 1.300.000.000 đồng thay cho ông H trong thời hạn 13 tháng cộng với tiền lãi 10.000.000đ/tháng và ông không còn nợ ông H số tiền 1.300.000.000 đồng. Như vậy, thỏa thuận trên là việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ, phù hợp với pháp luật và được quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015, và vì vậy ông TH là người thế nghĩa vụ, phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.300.000.000 đồng cho bà O, theo quy định tại khoản 2 điều luật này. Cụ thể, điều luật quy định:

“ Điều 370. Chuyển giao nghĩa vụ

1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.”.

Xét thấy, ông TH cũng thừa nhận sau khi thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ thì ông chỉ đã trả cho bà O được 02 lần, tổng cộng là 300.000.000 đồng, còn lại 1.000.000.000 đồng, như vậy ông TH đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn trả nợ đối với bà O nên bà O khởi kiện yêu cầu ông TH phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn lại cùng với lãi suất phát sinh theo mức lãi suất 0,85%/tháng là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận

toàn bộ yêu cầu của bà O, buộc ông TH phải có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền gốc còn lại là 1.000.000.000 đồng và 136.000.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

Đối với nội dung kháng cáo của ông TH, yêu cầu cho ông thời hạn thi hành án là 02 năm thì Hội đồng xét xử xét thấy: lý do kháng cáo và yêu cầu này là không có cơ sở để xem xét và chấp nhận, bởi vì các vấn đề về phương thức thi hành án, thời hạn thi hành án là do các bên thỏa thuận với nhau trong giai đoạn thi hành án và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông TH. Xét thấy tại cấp phúc thẩm ông TH có yêu cầu xem xét lại số tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp sơ thẩm ông TH đã đồng ý với số tiền lãi nói trên là 136.000.000 đồng chỉ yêu cầu Tòa xét xử cho ông được trả trong thời hạn 02 năm; Tòa sơ thẩm chưa giải quyết; mặt khác số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là hoàn toàn phù hợp pháp luật (chỉ 0,85%/ tháng). Do đó Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét thấy, về quan hệ pháp luật tranh chấp thì việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là hợp đồng vay tài sản là chưa chính xác, bởi vì bà O khởi kiện đối với ông TH để yêu cầu ông TH trả số tiền mà các bên đã thỏa thuận chuyển nghĩa vụ từ ông H (chứ không phải ông TH vay tiền của bà O) nên phải xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là chuyển nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015 mới phù hợp.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh TH không được chấp nhận nên ông TH phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh TH.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O.
- Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh TH trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền chuyển nghĩa vụ là 1.000.000.000đ và tiền lãi là 136.000.000đ; tổng cộng là 1.136.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí sơ thẩm:
 - + Ông Nguyễn Minh TH phải chịu 46.080.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm tám chục ngàn).
 - + Bà Nguyễn Thị Kim O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.040.000đ theo biên lai thu tiền số 12452 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.
- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh TH phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03380 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ông TH đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đường sự
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy